

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 374/2021/HS-ST
Ngày 14 – 12 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 311/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2021/HSST- QĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 226/2021/HSST- QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1999, tại tỉnh K; Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã BM, huyện V, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 và bà Lê Thị T, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; có 01 chị (sinh năm 1997). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 01/6/2021 chuyển tạm giam cho đến nay, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa (đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Nguyễn Quốc K, sinh năm 2002, tại tỉnh K; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã VB, huyện V, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1964 và bà Võ Thị C, sinh năm 1965; bị cáo chưa có

vợ, con; có 02 chị ruột (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1992). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 17/2021/HS-ST ngày 28/9/2021.

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa (đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị hại: Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1983 và ông Lý Thanh T, sinh năm 1990; Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã TH, huyện C, tỉnh S. Tạm trú: Tổ 10 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà Hg, ông T vắng mặt tại phiên tòa (đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K, làm nghề bán dưa thuê cho chị Trần Thúy H trên địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương từ ngày 26/3/2021, chị H thuê phòng trọ cho N và K ở cùng dãy trọ với chị H tại tổ 10, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, đồng thời giao cho N và K xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu trắng biển kiểm soát: 60M4-9674, số máy: FMG-80317452, số khung: 0012U-317452 để đi bán dưa. Đến ngày 16/4/2021, N làm việc không hiệu quả nên chị H cho nghỉ việc, còn K vẫn tiếp tục được chị H giao xe cho đi bán. Sau khi nghỉ việc, N chuyển sang công việc thợ hồ và chị H cho N mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu trắng biển kiểm soát: 70B1-17677, số máy: NC110APE-0017104, số khung: NC110AP-0017104, trong quá trình sử dụng làm phương tiện đi lại, trong quá trình sử dụng, N làm hỏng xe nên chị H lấy lại, không cho mượn sử dụng nữa. Do vậy N phát sinh mâu thuẫn với chị H. Ngày 17/04/2021 chị H yêu cầu K và N trả lại xe biển kiểm soát: 60M4-9674 và biển kiểm soát: 70B1-17677 rồi để xe tại phòng trọ mà chị H đã thuê cho K và N ở, cùng ngày N rủ K chiếm đoạt 02 xe mô tô của chị H nhưng K không đồng ý. Đến ngày 18/04/2021, K nhớ lại ngày hôm trước N rủ chiếm đoạt xe mô tô của chị H nên K hỏi lại N “chuyện hôm qua mày nói có làm hay không”, N trả lời “tao làm, mày làm không”, K nói “làm thì làm, tính cho kỹ khỏi vướng pháp luật”, sau đó N nói “ừ để tao tính”. Sau đó K và N đi ngủ đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 19/04/2021, anh Lê Thanh T là chồng chị H qua phòng trọ của N và K lấy xe mô tô riêng đi làm. Lợi dụng chị H không để ý, N thức dậy kêu K dọn hết đồ đạc bỏ vào ba lô, còn đồ đạc của N đã bỏ vào ba lô từ trước. N nói với K xuống gác lấy dưa bỏ lên xe mô tô biển kiểm soát: 60M4-9674 dẫn xe ra đi bán như bình thường, còn N dẫn xe biển kiểm soát: 70B1-17677 ra sau, K và N lén lút đẩy xe ra phía bên ngoài đường lớn và tẩu thoát. Sáng ngày 19/04/2021, N và K đã bán 02 xe mô tô biển kiểm soát: 70B1-17677

và xe biển kiểm soát: 60M4-9674 tại một cửa hàng mua bán trao đổi xe máy cũ tại Quốc lộ 1K đoạn gần đôi diện chợ ĐH, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xe biển kiểm soát: 70B1-17677 bán giá 4.000.000 đồng, xe biển kiểm soát: 60M4-9674 bán giá 1.000.000 đồng. Số tiền bán được K và N không phân chia, sử dụng chung, tiêu xài cá nhân hết. Cùng ngày chị H đã trình báo sự việc trên đến Công an phường T, lập hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An giải quyết theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 69/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/05/2021 của hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng UBND thành phố Dĩ An định giá xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu trắng biển kiểm soát: 70B1-17677 trị giá 5.000.000 đồng, xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu trắng biển kiểm soát: 60M4-9674, trị giá 2.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 326/CT-VKS ngày 20/9/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Trần Thị Thúy H và ông Lý Thanh T giá trị 02 (hai) xe mô tô Biển số 70B1-17677 và xe Biển số 60M4-9674 là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 60M4-9674, bà Trần Thúy H khai nhận mua xe cũ vào năm 2018 với giá 5.500.000 đồng không có giấy tờ mua bán tại một cửa hàng xe máy cũ đến nay không nhớ địa chỉ và cung cấp giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy (bản chính) do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/1997 có số A0197877 tên chủ xe Đào Văn H, HKTT: BL, xã B, thành phố L, tỉnh Đ, nhãn hiệu LIFAN màu sơn nâu, số máy: FMG-152371, số khung: 22TT-152371. Thực tế tra cứu thông tin theo biển số xe 60M4-9674 có kết quả: tên chủ xe Nguyễn Đình H – 1970; HKTT: khu phố 8, phường H, thành phố B, Đ, số máy: FMG-80317452, số khung: 0012U-

317452, nhãn hiệu DAYANG, ngày đăng ký mới: 15/11/2003. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiến hành xác minh, làm việc, ghi lời khai đối với anh Đào Văn H và Nguyễn Đình H để xác định nguồn gốc tài sản, khẳng định từ trước tới nay không đứng tên chủ sở hữu cũng không sử dụng chiếc xe mô tô này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã sao y hồ sơ đăng ký xe mô tô Biển số: 60M4-9674 tại Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Nai thể hiện chủ đăng ký xe là anh Nguyễn Đình H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục xác minh điều tra, xử lý sau.

+ Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 70B1-17677, bà Trần Thúy H khai nhận mua lại vào năm 2018 với giá 7.500.000đồng không có giấy tờ mua bán tại một cửa hàng xe máy cũ đến nay không nhớ địa chỉ. Xác minh nguồn gốc xe mô tô, tra cứu thông tin theo biển số xe 70B1-17677 có kết quả: tên chủ xe Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1982, HKTT: khu phố 2, phường 3, thành phố T, tỉnh T, hiện nay không ở địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục xác minh điều tra, xử lý sau.

+ Đối với: 01 USB màu xanh, có chữ Kingston, dung lượng 04GB lưu giữ file ghi hình một phần quá trình xảy ra vụ việc đề nghị tịch thu lưu hồ sơ.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Bị hại bà Trần Thị Thúy H và ông Lý Thanh T vắng mặt, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Các bị cáo và bị hại vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm Sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K, bị hại bà Trần Thị Thúy H và ông Lý Thanh T nhưng tất cả đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đồng thời,

tại cơ quan điều tra đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 290 và 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại; Bản kết luận định giá tài sản số 69/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/05/2021 của hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng UBND thành phố Dĩ An và các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 19/4/2021, tại tổ 10, khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K đã có hành vi lết lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu trắng Biển số 60M4-9674, số máy: FMG-80317452, số khung: 0012U-317452 và xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu trắng Biển số 70B1-17677, số máy: NC110APE-0017104, số khung: NC110AP-0017104 trị giá là 7.000.000đồng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo với tội danh, điều, khoản và điểm nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì lười lao động, tham lam tư lợi mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Trần Thị Thúy H và Lý Thanh T, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhằm cải tạo, giáo dục riêng cho các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo đủ để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không phải là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này cả bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K cùng rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cả hai cùng là người trực tiếp thực hiện hành vi. Sau khi trộm cắp được thì cùng đem bán tài sản và cùng tiêu xài nên hai bị cáo có vai trò tương đương nhau trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra các

bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn N có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Quốc K sau khi chiếm đoạt tài sản trong vụ án này thì đến ngày 20/5/2021 bị cáo K lại tiếp tục có hành vi cướp giật tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 17/2021/HS-ST ngày 28/9/2021.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Bị cáo Nguyễn Quốc K đang phải chấp hành Bản án số 17/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K mà nay bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án trên. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung theo quy định.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy đã áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Trần Thị Thúy H và ông Lý Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và tại đơn yêu cầu vắng mặt bà H, ông T yêu cầu các bị cáo trả lại 02 xe mô tô biển số 70B1 – 17677 và xe mô tô biển số 60M4-9674 hoặc trả lại giá trị xe theo định giá là 7.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Hiện 02 xe mô tô biển số 70B1 – 17677 và xe mô tô biển số 60M4-9674 chưa thu hồi được, các bị cáo thống nhất với kết quả định giá. Số tiền bán xe được K và N không phân chia mà tiêu xài cá nhân sử dụng chung hết do đó cần buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại vợ chồng bà Trần Thị Thúy H và ông Lý Thanh T giá trị 02 (hai) xe mô tô Biển số 70B1-17677 và xe Biển số 60M4-9674 là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

[12] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với xe mô tô biển số: 60M4-9674, bà Trần Thúy H khai nhận mua xe cũ vào năm 2018 với giá 5.500.000 đồng không có giấy tờ mua bán tại một cửa hàng xe máy cũ đến nay không nhớ địa chỉ và cung cấp giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy (bản chính) do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/1997 có số A0197877 tên chủ xe Đào Văn H, HKTT: BL, xã B, thành phố L, tỉnh Đ, nhãn hiệu LIFAN màu sơn nâu, số máy: FMG-152371, số khung: 22TT-152371. Thực tế tra cứu thông tin theo biển số xe

60M4-9674 có kết quả: tên chủ xe Nguyễn Đình H – 1970; HKTT: khu phố 8, phường H, thành phố B, tỉnh Đ, số máy: FMG-80317452, số khung: 0012U-317452, nhãn hiệu DAYANG, ngày đăng ký mới: 15/11/2003. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiến hành xác minh, làm việc, ghi lời khai đối với anh Đào Văn H và Nguyễn Đình H để xác định nguồn gốc tài sản, khẳng định từ trước tới nay không đứng tên chủ sở hữu cũng không sử dụng chiếc xe mô tô này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã sao y hồ sơ đăng ký xe mô tô BS: 60M4-9674 tại Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Nai thể hiện chủ đăng ký xe là anh Nguyễn Đình H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục xác minh điều tra, xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với xe mô tô Biển số: 70B1-17677, bà Trần Thúy H khai nhận mua lại vào năm 2018 với giá 7.500.000đồng không có giấy tờ mua bán tại một cửa hàng xe máy cũ đến nay không nhớ địa chỉ. Xác minh nguồn gốc xe mô tô, tra cứu thông tin theo biển số xe 70B1-17677 có kết quả: tên chủ xe Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1982, HKTT: khu phố 2, phường 3, thành phố T, tỉnh T, hiện nay không ở địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục xác minh điều tra, xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với: 01 USB màu xanh, có chữ Kingston, dung lượng 04GB lưu giữ file ghi hình một phần quá trình xảy ra vụ việc nên cần tịch thu lưu hồ sơ.

[13] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đồng thời các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K phạm tội Trộm cắp tài sản.

1.1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 01/6/2021.

1.2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 01 (một) năm tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số: 17/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại vợ chồng bà Trần Thị Thúy H và ông Lý Thanh T giá trị 02 (hai) xe mô tô Biển số 70B1-17677 và xe Biển số 60M4-9674 là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu lưu hồ sơ đối với 01 USB màu xanh, có chữ Kingston, dung lượng 04GB lưu giữ file ghi hình một phần quá trình xảy ra vụ việc.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K phải liên đới nộp 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc K, bị hại bà Trần Thị Thúy H và ông Lý Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- PV 06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- PC 10 - Công an tỉnh Bình Dương;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam